

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường từ thôn 2, thị trấn An Lão đi Tân An, An Tân

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3501/STNMT-CCBVMT ngày 30/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Đường từ thôn 2, thị trấn An Lão đi Tân An, An Tân của UBND huyện An Lão;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đường từ thôn 2, thị trấn An Lão đi Tân An, An Tân đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1747/UBND ngày 05/12/2022 của UBND huyện An Lão;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1066/TTr-STNMT ngày 13/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đường từ thôn 2, Thị trấn An Lão đi Tân An, An Tân (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện An Lão (sau đây gọi là Chủ đầu tư) thực hiện tại thị trấn An Lão và xã An Tân, huyện An Lão, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện An Lão;
- UBND thị trấn An Lão;
- UBND xã An Tân;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐƯỜNG TỪ THÔN 2, THỊ TRẤN AN LÃO ĐI TÂN AN, AN TÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Đường từ thôn 2, thị trấn An Lão đi Tân An, An Tân.
- Địa điểm thực hiện: thị trấn An Lão và xã An Tân, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: UBND huyện An Lão.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi: diện tích là 14.209 m² (không bao gồm hoạt động khai thác khoáng sản).

- Quy mô: Đầu tư xây dựng tuyến đường dài 2.234,27 m, bề rộng nền đường B = 6,5m, kết cấu bê tông xi măng và cấp phối đồi, mái taluy trồng cỏ, gồm:

+ Tuyến 01 có chiều dài 1.359,27 m: Điểm đầu giáp đường ĐT.629 tại Km 29+660 thuộc thị trấn An Lão; điểm cuối giáp ngã 3 đường bê tông hiện trạng xã An Tân.

+ Tuyến 02 có chiều dài 875 m: Điểm đầu giáp đường ĐT.629 tại Km 28+380 thuộc thị trấn An Lão; điểm cuối giáp ngã 3 đường bê tông hiện trạng xã An Tân.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính:

- San nền với diện tích 14.209 m²
- Xây dựng tuyến đường dài 2.234,27 m, trong đó: xây dựng tuyến đường bằng bê tông xi măng dài 412,6 m; xây dựng tuyến đường bằng cấp phối đồi dài 1.821,67 m.
- Hệ thống thoát nước ngang.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công của dự án: bãi chứa nguyên vật liệu với diện tích 250 m², bãi lưu chứa tạm đất phong hóa hữu cơ với tổng diện tích 450 m², nhà vệ sinh di động.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 12.595,3 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường,

thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thừa phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; nguy cơ gây ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát lũ khu vực phía Tây dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,08 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 1,6 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 150 m³. Thành phần chủ yếu là thực bì, bùn đất,...

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 43 kg/ngày.

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phạm vi nền đường phát sinh với khối lượng khoảng 6.096,55 m³. Thành phần chủ yếu là đất, bùn.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 20,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 31 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, các loại dầu mỡ thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: tác động từ quá trình chiếm dụng đất; hoạt động thi công gây nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ ngập úng cục bộ, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo rãnh thu gom nước mưa chảy tràn trong khu vực thi công tránh gây ngập úng cục bộ.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư và trên tuyến đường ĐT.629 với tần suất 02 lần/ngày.

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu và chất thải rắn công nghiệp thông thường: sử dụng bạt che chắn xung quanh đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.

- Bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên đường và tại khu vực thi công.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đất bóc phong hóa hữu cơ: bố trí 03 bãi lưu chứa tạm dọc theo tuyến đường, sau đó vận chuyển đến bãi thải tại vùng trũng khu vực Gò Thom, thị trấn An Lão với diện tích khoảng 2.178 m².

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn

thông thường theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các hộ dân chịu tác động do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa.

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Hoàn trả kênh bê tông từ Km 0+447,7 – Km 0+503,98 thuộc tuyến 02, kích thước BxH = (60x80) cm, L = 62 m và đoạn kênh từ Km 0+447,7 đến Km 0+551,73 thuộc tuyến 02, kích thước BxH = (50x70) cm, L = 101,0 m.

- Thi công hoàn thành các hạng mục san nền, hệ thống thoát nước trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, rãnh thoát nước

xung quanh công trường thi công đảm bảo không để gây ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc:

+ Nút giao đường ĐT.629 tại Km29+660 và điểm đầu tuyến 01 (KK1)
(Tọa độ: 1.615.663; 273.454).

+ Nút giao đường ĐT.629 tại Km28+380 và điểm đầu tuyến 02 (KK2)
(Tọa độ: 1.614.416; 273.473).

- Thông số quan trắc: bụi, ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.

5.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và lưu giữ.